

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~564~~.../KH-DHTCQTKD

Hưng Yên, ngày ~~13~~ tháng ~~8~~ năm 2025

KẾ HOẠCH

Về giảng dạy – học tập học kỳ 1, năm học 2025-2026 đối với
Sinh viên đại học chính quy K11, K12

Thực hiện kế hoạch giảng dạy năm học 2025 – 2026 trình độ đại học hệ chính quy K11, K12 Nhà trường thông báo Kế hoạch về giảng dạy - Học tập học kỳ 1, năm học 2025 - 2026 cho các lớp sinh viên trình độ đại học hệ chính quy K11, K12 như sau:

I. Kế hoạch Giảng dạy-Học tập

1. K11 (Cơ sở 1)

Lớp học phần	Buổi học	GD	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
KD11A	H2.2		THUE: (Từ 8/9-20/10: 1-2 Ngày 27/10: 1-3 Từ 3/11-15/12: 1-4)	TAKT_11: 1-3	KTQTri: 1-3	KITCDN2: 1-3	KTHCSN: 1-3	
			HDKKT: (Từ 8/9-20/10: 3-4 Ngày 27/10: tiết 4)	TTHCM: 4-5	PTTC DN: 4-5	KTMDN: 4-5	PTTC DN: 4-5	
			SH: 5					
		H4.2		TAKT 12: 1-3				
			TTHCM: 1-2	KTHCSN: 1-3	TAKT 13: 1-3	KTQTri: 1-3	KITCDN2: 1-3	
KD11B	H2.3		PTTC DN: 3-4	KTMDN: 4-5	THUE: 4-5	PTTC DN: 4-5	HDKKT: 4-5 (Từ 5/9-17/10: 4-5 Ngày 24/10: tiết 4)	
			SH: 5				THUE: 4-5 (Ngày 24/10: tiết 5 Từ 31/10-12/12: 4-5)	
		H4.2				TAKT 14: 1-3		
SÁNG								

Lớp học phần	Buổi học	GD	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
KDI1C	H2.4		PTTC DN: 1-2	KTTCDN2: 1-3	PTTC DN: 1-2	TAKT_15: 1-3	KTQTri: 1-3	
			THHCM: 3-4	HDKKT: (Từ 9/9-21/10: 4-5 Ngày 28/10: tiết 4)	KTHCSN: 3-5	THUE: 4-5	KTMDN: 4-5	
			SH: 5	THUE: 4-5 (Ngày 28/10: tiết 5 Từ 4/11-16/12: 4-5)				
		H4.2				TAKT_16: 1-3		
		H2.5	KTTCDN: 1-4 (Ghép TM11A)	QLH: 1-3	THUE: 1-3	KTPPT: 1-3	TAKT_25: 1-3	
QL11A	H2.5		SH: 5		KTViM2: 4-5	QLTCC: 4-5	TTHCM: 4-5 (Ghép TM11A)	
		H3.4	LĐBTĐT: 1-4	QLH: 1-3 (Ghép QL11A)	PLMT: 1-3	LCT: 1-3	TAKT_25: 1-3 (Ghép QL11A)	
			SH: 5		LHC: 4-5	QLTCC: 4-5 (Ghép QL11A)	TTHCM: 4-5 (Ghép TM11A)	
KL11A	H3.4							
TM11A	H4.1		KTTCDN: 1-4	ĐTQT: 1-3	KTNVNT1: 1-3	TMDT: 1-2	TAKT_24: 1-3	
			SH: 5	QTĐVH: 4-5	QTCCU: 4-5	QTCCU: 3-5	TTHCM: 4-5	
NH11A	H3.1							
			TĐKHĐN: 1-4	TAKT_03: 1-3	TTCK: 1-2	THUE: 1-3	TĐGBĐS: 1-3	
			SH: 5	TTHCM: 4-5	KTNHTM1: 3-5	TCQT: 4-5	KTQT: 4-5	
TC11A	H4.3			TAKT_04: 1-3				
		H3.2	TĐKHĐN: 1-4	TĐGTDN: 1-3	KTTCDN2: 1-3	TAKT_01: 1-3	TUDTC: 1-3	
			SH: 5	KTQT: 4-5	TCDN2: 4-5	TTHCM: 4-5	TCDN2: 4-5	
		H4.3				TAKT_02: 1-3		

Lớp học phân	Buổi học	GD	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
QT11A		H3.3	QTSX: 1-2	QTCLG: 1-3	TAKT 05: 1-3	KTTCDN: 1-3	THUE: 1-3	
			TTHCM: 3-4	VHDN: 4-5	QTSX: 4-5	KTQT: 4-5	NVKDXNK: 4-5	
			SH: 5					
KD11D		H4.3			TAKT 06: 1-3			
			THUE: (Từ 8/9-20/10: 6-7 Ngày 27/10: 6-8 Từ 3/11-15/12: 6-9)	TAKT_17: 6-8	KTQTri: 6-8	KTTCDN2: 6-8	KTHCSN: 6-8	
			HDKKT: (Từ 8/9-20/10: 8-9 Ngày 27/10: tiết 9)	TTHCM: 9-10	PTTCDN: 9-10	KTMDN: 9-10	PTTCDN: 9-10	
KD11E		H4.2	SH: 10					
				TAKT_18: 6-8				
			TTHCM: 6-7	KTHCSN: 6-8	TAKT_19: 6-8	KTQTri: 6-8	KTTCDN2: 6-8	
KD11G		H2.3	PTTCDN: 8-9	KTMDN: 9-10	PTTCDN: 9-10	THUE: 9-10	HDKKT: (Từ 5/9-17/10: 9-10 Ngày 24/10: tiết 9) THUE: (Ngày 24/10: tiết 10 Từ 31/10-12/12: 9-10)	
			SH: 10					
KD11G		H4.2			TAKT_20: 6-8			
			PTTCDN: 6-7	KTTCDN2: 6-8	PTTCDN: 6-7	TAKT_21: 6-8	KTQTri: 6-8	
			TTHCM: 8-9	HDKKT: (Từ 9/9-21/10: 9-10 Ngày 28/10: tiết 9)	KTHCSN: 8-10	THUE: 9-10	KTMDN: 9-10	
KD11G		H2.4	SH: 10	THUE: (Ngày 28/10: tiết 10 Từ 4/11-16/12: 9-10)				
KD11G		H4.2				TAKT_22: 6-8		

CHIỀU

Lớp học phần	Buổi học	GD	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
KA11A	H2.5		PTTCĐN: 6-9	KTQTri: 6-8	KITTC1: 6-8	KITCĐN2: 6-8	TAKT_23: 6-8	
				KTHCSN: 9-10	KTMDN: 9-10	HDKKT: (Từ 4/9-16/10: 9-10 Ngày 23/10: tiết 9)	TTHCM: 9-10	
			SH: 10			KTHCSN: (Ngày 23/10: tiết 10 Từ 30/10-11/12: 9-10)		
CT11A	H3.4		HTTQL: 6-9	QTCCU: 6-8	LTMĐT: 6-8	HQTCSDL: 6-8	TAKT_23: 6-8 (Ghép KA11A)	
			SH: 10	MARIN: 9-10	TCQT: 9-10		TTHCM: 9-10 (Ghép KA11A)	
QM11A	H3.1		QTKPP: 6-9	QTNL: 6-8	NCMar: 6-8	TAKT 09: 6-8	KDS: 6-8	
			SH: 10	VHDN: 9-10	TTHCM: 9-10	QTG: 9-10	KTQT: 9-10	
QT11B	H3.3					TAKT 10: 6-8		
			QTSX: 6-7	QTCLG: 6-8	TAKT 07: 6-8	KITCĐN: 6-8	KTP1: 6-8	
			TTHCM: 8-9	KTQT: 9-10	QTSX: 9-10	VHDN: 9-10	NVKDXNK: 9-10	
			SH: 10					
		H3.3			TAKT 08: 6-8			

Ghi chú:

- Ký hiệu môn học:

KITTC1: Kiểm toán tài chính 1 (45 tiết) ĐTQT: Đầu tư quốc tế (45 tiết)

TTHCM: Tư tưởng Hồ Chí Minh (30 tiết) KTQTri: Kế toán quản trị (45 tiết)

TAKT: Tiếng Anh kinh tế (45 tiết) LBTĐT: Luật đầu tư - đầu thầu (45 tiết)

QLTCC: Quản lý tài chính công(30 tiết)

KTNVNT1: Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương HP1(45 tiết)

KITCĐN2: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2 (45 tiết)

LCT: Luật cạnh tranh (45 tiết)	QTVH: Quản trị đa văn hóa (30 tiết)	HDKKT: Hướng dẫn kê khai thuế (15LT+30TH)
LHC: Luật hành chính (30 tiết)	QTKPP: Quản trị kênh phân phối (45 tiết)	KTMĐN: Kế toán máy doanh nghiệp (30LT+30TH)
QLH: Quản lý học (45 tiết)	VHDN: Văn hóa doanh nghiệp (30 tiết)	HQTCSDL: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (30LT + 30 TH)
QTNL: Quản trị nhân lực (45 tiết)	NVKDXNK: Nghiệp vụ kinh doanh XNK (30 tiết)	PTTCDN: Phân tích tài chính doanh nghiệp (60 tiết)
KTQT: Kinh tế quốc tế (30 tiết)	KTTCDN: Kế toán tài chính doanh nghiệp (45 tiết)	HTTQL: Hệ thống thông tin quản lý(45 tiết)
KDS: Kinh doanh số (45 tiết)	MARIN : Marketing trên internet (30 tiết)	QTCCU : Quản trị chuỗi cung ứng (45 tiết)
QTG: Quản trị giá (30 tiết)	PLMT: Pháp luật môi trường đất đai (45 tiết)	TMĐT : Thương mại điện tử căn bản (30 tiết)
KTPT: Kinh tế phát triển (45 tiết)	TCDN2: Tài chính doanh nghiệp 2 (60 tiết)	KTViM2: Kinh tế học vĩ mô HP2 (30 tiết)
QTSX: Quản trị sản xuất (45 tiết)	NCMar: Nghiên cứu Marketing (45 tiết)	LTMDT : Luật thương mại điện tử (45 tiết)
TCQT: Tài chính quốc tế (30 tiết)	KTHCSN: Kế toán hành chính sự nghiệp (45 tiết)	KTNHTM1: Kế toán ngân hàng thương mại 1 (45 tiết)
THUE: Thuế (45 tiết)	TĐGTDN: Thẩm định giá trị doanh nghiệp (45 tiết)	TDKHDN: Tín dụng khách hàng doanh nghiệp (60 tiết)
TTCK: Thị trường chứng khoán (30 tiết)	TĐGBĐS: Thẩm định giá bất động sản (45 tiết)	TUDTC: Tín học ứng dụng trong tài chính (30 LT+30TH)
QTCLG: Quản trị chất lượng (45 tiết)		

- Thời gian học: Từ ngày 03/09/2025 đến ngày 23/12/2025 (16 tuần)
- Thời gian ôn và thi: Từ ngày 24/12/2025 đến ngày 18/01/2026 (4 tuần)

2. K12 (Cơ sở 2)

Lớp học phần	Buổi học	GD	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
KD12A	2	B2	AV2_01: 1-3	NLKT: 1-3	LTXS: 1-3	KTViM: 1-3	QTH: 1-3	
				CNXHKH: 4-5	NLTK: 4-5	NLTK: 4-5	XHH: 4-5	
			SH: 4				LOGIC: 4-5	
		B13	AV2_02: 1-3					

Lớp học phân	Buổi học	GD	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
KD12B		B4	QTH: 1-3	LTXS: 1-3	NLKT: 1-3	NLTK: 1-3	AV2_03: 1-3	
			SH: 4	KTViM: 4-5	CNXHKH: 4-5	KTViM: 4-5	XHH: 4-5	
		B13					LOGIC: 4-5 (Ghép KD12A)	
						AV2_04: 1-3		
KD12C		B6	NLTK: 1-3	KTViM: 1-3	AV2_05: 1-3	QTH: 1-3	LTXS: 1-3	
			SH: 4	NLKT: 4-5	NLKT: 4-5	CNXHKH: 4-5	XHH: 4-5	
		B13					LOGIC: 4-5 (Ghép KD12A)	
					AV2_06: 1-3			
TM12A		B10	AV2_31: 1-3	LTXS: 1-3	MAR: 1-3	KTViM: 1-3	NLKT: 1-3	
			SH: 4	XHH: 4-5	QTH: 4-5	QTH: 4-5	CNXHKH: 4-5	
		B9	AV2_32: 1-3					
QL12A		B3	AV2_33: 1-3	NLTK: 1-3	KTViM: 1-3	NLKT: 1-3	LTXS: 1-3	
			SH: 4	QTH: 4-5	CNXHKH: 4-5	XHH: 4-5	QTH: 4-5	
			AV2_33: 1-3 (Ghép QL12A)	NLTK: 1-3 (Ghép QL12A)	KTViM: 1-3 (Ghép TM12A)	NLKT: 1-3 (Ghép QL12A)	LTXS: 1-3 (Ghép QL12A)	
				QTH: 4-5 (Ghép QL12A)	CNXHKH: 4-5 (Ghép QL12A)	XHH: 4-5 (Ghép QL12A)	QTH: 4-5 (Ghép QL12A)	
KL12A		B9	SH: 4					
			TCTT2: 1-2	NLKT: 1-3	LTXS: 1-3	AV2_17: 1-3	NLTK: 1-3	
NH12A		B14	CNXHKH: 3-4	KTViM: 4-5	KTViM: (Từ 3/9-15/10: 4-5 Ngày 22/10: tiết 4)	LOGIC: 4-5	QTH: 4-5	
		B13	SH: 5		QTH: (Ngày 22/10: tiết 5 Từ 29/10-10/12: 4-5)	XHH: 4-5 (Ghép QL12A)		
						AV2_18: 1-3		

Lớp học phần	Buổi học	GD	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
TC12A		B15	XHH: 1-2	KTViM: 1-3	AV2_13: 1-3	NLTK: 1-3	LTXS: 1-3	
			TCTT2: 3-4	CNXHKH: 4-5	NLKT: 4-5	QTH: 4-5	QTH: 4-5 (Từ 5/9-17/10: 4-5 Ngày 24/10: tiết 4)	
			SH: 5				NLKT: 4-5 (Ngày 24/10: tiết 5 Từ 31/10-12/12: 4-5)	
		B9			AV2_14: 1-3			
QM12A		B16	NLTK: 1-4	AV2_27: 1-3	NLKT: 1-3	LTXS: 1-3	KTViM: 1-3	
			SH: 5	XHH: 4-5	QTH: 4-5	QTH: 4-5	CNXHKH: 4-5	
QT12A		B13		AV2_28: 1-3				
			CNXHKH: 1-2	NLKT: 1-3	QTH: 1-3	AV2_21: 1-3	NLTK: 1-3	
		A20	LTXS: 3-4	LTXS: 4-5	XHH: 4-5	KTViM: 4-5	KTViM: 4-5	
			SH: 5		LOGIC: 4-5 (Ghép QT12B)			
QT12B		B9				AV2_22: 1-3		
			LTXS: 1-2	AV2_23: 1-3	NLTK: 1-3	QTH: 1-3	KTViM: 1-3	
		A13	CNXHKH: 3-4	NLKT: 4-5	LOGIC: 4-5	NLKT: 4-5	LTXS: 4-5	
			SH: 5		XHH: 4-5 (Ghép QT12A)			
		B9		AV2_24: 1-3				

Lớp học phân	Buổi học	GD	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
KD12D		B2	AV2_07: 6-8 SH: 9	NLKT: 6-8 CNXHKH: 9-10	LTXS: 6-8 XHH: 9-10	KTViM: 6-8 NLTK: 9-10	QTH: 6-8 NLTK: 9-10	
		B13	AV2_08: 6-8					
		B4	QTH: 6-9 SH: 10	LTXS: 6-8 KTViM: 9-10	NLKT: 6-8 CNXHKH: 9-10	NLTK: 6-8 KTViM: 9-10	AV2_09: 6-8 XHH: 9-10	
KD12E		B13					AV2_10: 6-8	
		B6	NLTK: 6-9 SH: 10	KTViM: 6-8 NLKT: 9-10	AV2_11: 6-8 NLKT: 9-10	QTH: 6-8 XHH: 9-10	LTXS: 6-8 CNXHKH: 9-10	
KD12G		B13		AV2_12: 6-8				
KA12A		A19	AV2_34: 6-8 SH: 10	LTXS: 6-8 STVB: 9-10	NLKT: 6-8 XHH: 9-10	KTViM: 6-8 CNXHKH: 9-10	NLTK: 6-8	
		B3	AV2_35: 6-8 SH: 10	LTXS: 6-8 (Ghép KA12A) QTH: 9-10	NLKT: 6-8 (Ghép KA12A) XHH: 9-10 (Ghép KA12A)	KTViM: 6-8 (Ghép KA12A) CNXHKH: 9-10 (Ghép KA12A)	NLTK: 6-8 (Ghép KA12A) QTH: 9-10	
KC12A			NLKT: 6-7	AV2_19: 6-8	KTViM: 6-8	NLTK: 6-8	LTXS: 6-8	
NH12B		B14	QTH: 8-9 SH: 10	CNXHKH: 9-10	QTH: 9-10 (Từ 3/9-15/10: 9-10 Ngày 22/10: tiết 9)	XHH: 9-10	TCTT2: 9-10	
					NLKT: 9-10 (Ngày 22/10: tiết 10 Từ 29/10-10/12: 9-10)			
		B13		AV2_20: 6-8				

CHIỀU

Lớp học phân	Buổi học	GD	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
TC12B		B15	LTXS: 6-7	KTViM: 6-8 LTXS: 9-10 (Từ 9/9-21/10: 9-10 Ngày 28/10: tiết 9)	NLKT: 6-8	AV2_15: 6-8	NLTK: 6-8	
			TCTT2: 8-9		CNXHKH: 9-10	XHH: 9-10	QTH: 9-10	
			SH: 10	QTH: 9-10 (Ngày 28/10: tiết 10 Từ 04/11-16/12: 9-10)				
		B13				AV2_16: 6-8		
QM12B		B16	QTH: 6-7	NLTK: 6-8	KTViM: 6-8	NLKT: 6-8	AV2_29: 6-8	
			LTXS: 8-9	XHH: 9-10	QTH: 9-10	CNXHKH: 9-10	LTXS: 9-10	
		B9	SH: 10					
QT12C		A20	NLKT: 6-8	NLTK: 6-8	AV2_25: 6-8	LTXS: 6-8	KTViM: 6-8	
			SH: 10	XHH: 9-10	QTH: 9-10	CNXHKH: 9-10	QTH: 9-10	
		B9			AV2_26: 6-8			
CT12A		B5	CNXHKH: 6-7	AV2_36: 6-8	LTXS: 6-8	CSLT: 6-8	KTViM: 6-8	
			XHH: 8-9	QTH: 9-10	NLKT: 9-10	QTH: 9-10	NLKT: 9-10	
			SH: 10					

Ghi chú:

- Ký hiệu môn học:

AV2: Tiếng Anh cơ bản 2 (45 tiết)

CNXHKH: Chủ nghĩa xã hội khoa học (30 tiết)

KTViM: Kinh tế học vĩ mô (45 tiết)

KTViM1: Kinh tế học vĩ mô 1 (45 tiết)

LOGIC: Logic học (30 tiết)

LTXS: Lý thuyết xác suất và thống kê toán (45 tiết)

MAR: Marketing căn bản (45 tiết)

NLKT: Nguyên lý kế toán (45 tiết)

- XHH: Xã hội học (30 tiết)

NLTk: Nguyên lý thống kê (45 tiết)

STVB: Soạn thảo văn bản (30 tiết)
- QTH: Quản trị học (45 tiết)

CSLT: Cơ sở lập trình (30 LT+30 TH)

TCTT2: Tài chính tiền tệ HP2 (30 tiết)
- Thời gian học: Từ ngày 03/09/2025 đến ngày 23/12/2025 (16 tuần)

- Thời gian ôn và thi: Từ ngày 24/12/2025 đến ngày 18/01/2026 (4 tuần)

3. Giáo dục thể chất K12

a. Cơ sở 2

Lớp học phân	Buổi học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi Chú
BC1	Sáng	1-2					
BC2		3-4					
BC3			1-2				
BC4			3-4				
BC5				1-2			
BC6				3-4			
BC7					1-2		
CL1	Sáng	1-2					
CL2		3-4					
CL3			1-2				
CL4			3-4				
CL5				1-2			
CL6				3-4			

BC8	Chiến	7-8					
BC9		9-10					
BC10			7-8				
BC11			9-10				
BC12				7-8			
BR1					9-10		
BR2				9-10			
CL7		7-8					
CL8		9-10					
CL9			7-8				
CL10			9-10				
CL11				7-8			
CL12				9-10			
CL13					7-8		

- Ký hiệu môn học:

CL: Giáo dục thể chất 4 – Cầu lông (30 tiết)

BC: Giáo dục thể chất 3 – Bóng chuyền (30 tiết)

BR: Giáo dục thể chất 5 – Bóng rổ (30 tiết)

- Thời gian học: Từ ngày 03/09/2025 đến ngày 23/12/2025 (16 tuần)
- Thời gian ôn và thi: Từ ngày 24/12/2025 đến ngày 18/01/2026 (4 tuần)

II. Thực hiện

1. Các Khoa:

- Bộ trí giảng viên giảng dạy theo kế hoạch. Giảng viên được phân công giảng dạy lập lịch trình giảng dạy đối với những học phần chưa có kịch bản giảng dạy và gửi cho Phòng Quản lý đào tạo (Đ/c Nguyễn Văn Đạo) trước ngày lên lớp của học phần (có ý

kiến của Trường Khoa, Bộ môn)

- Gửi kế hoạch phân công giảng viên lên lớp về Phòng Quản lý Đào tạo (đ/c Hoàng Thị Duyên) trước ngày **26/08/2025**.
- Kết thúc học phần: Giảng viên nhập điểm chuyên cần, kiểm tra vào phần mềm Quản lý đào tạo (xác định điều kiện dự thi cho sinh viên qua điểm chuyên cần, sinh viên đủ điều kiện dự thi có điểm chuyên cần ≥ 5 , ngược lại nhập chuyên cần $= 0$ để xác định sinh viên không đủ điều kiện dự thi), in bảng điểm quá trình gửi về Phòng Quản lý đào tạo (đ/c Nguyễn Văn Đạo) trước ngày 5 ngày.

2. **Phòng Quản lý Đào tạo:** Phổ biến kế hoạch tới sinh viên; theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện theo kế hoạch.
3. **Phòng Quản trị Thiết bị:** Chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy.

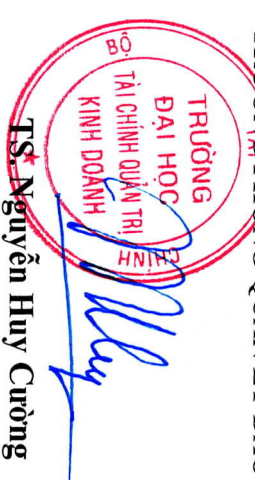
Ghi chú: Các đơn vị chuyên Lịch Giảng dạy-Học tập đến các Cố vấn học tập thuộc đơn vị mình.

Căn cứ Lịch Giảng dạy- Học tập trên, các đơn vị triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc trao đổi với Phòng Quản lý đào tạo để thống nhất báo cáo Ban giám hiệu giải quyết./.

Nơi nhận:

- CTHĐT, BGH;
- Các Khoa;
- Phòng CTSV, QTTB, TCKT, KTQLCL;
- CTBDT Trường;
- Lưu: VT, QLĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO


T.S. Nguyễn Huy Cường